

Bản án số: 03/2024/DS-ST
Ngày: 22-3-2024
“*V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY ĐỨC, TỈNH ĐẮKNÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Triệu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Đức Minh và ông Lưu Ngọc Khoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà H’ Ra Chen – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Cảnh – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 13/2024/TLST-DS ngày 09 tháng 01 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2024/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 02 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2024/QDST-DS ngày 15 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1987 – có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Bon JB, xã QT, huyện TĐ, tỉnh Đắk Nông.

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Anh Phan Long C, sinh năm 1981 – có mặt.

Địa chỉ: Thôn 02, xã ĐBS, huyện TĐ, tỉnh Đắk Nông.

- Bị đơn: Anh Tạ Thanh H, sinh năm 1981 và chị Vũ Thị Hồng G, sinh năm 1987 – đều vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Bon JB, xã QT, huyện TĐ, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện, trình bày của nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trong quá trình giải quyết vụ án:

Do có quen biết nên ngày 26/11/2021 (Âm lịch) tức ngày 29/12/2021 (Dương lịch), vợ chồng anh Tạ Thanh H và chị Vũ Thị Hồng G đã vay của chị Nguyễn Thị L số tiền 32.000.000 đồng (Ba mươi hai triệu đồng).

Anh Tạ Thanh H và chị Vũ Thị Hồng G hẹn đến ngày 26/11/2022 (Âm lịch) tức ngày 19/12/2022 (Dương lịch) sẽ trả đủ số nợ trên cho chị L.

Khi cho vay hai bên có viết giấy tờ tay với nhau nhưng không thỏa thuận về lãi suất. Đến hạn trả nợ (ngày 19/12/2022 dương lịch) anh Tạ Thanh H và chị Vũ Thị Hồng G vẫn không trả nợ cho chị L như đã hẹn, sau đó chị L nhiều lần yêu cầu anh H, chị G trả nợ nhưng anh H và chị G vẫn cố tình trốn tránh và nhiều lần vi phạm nghĩa vụ trả nợ, vì vậy chị L khởi kiện đề nghị Tòa án buộc anh Tạ Thanh H và chị Vũ Thị Hồng G phải trả số tiền nợ gốc là 32.000.000 đồng, không yêu cầu về lãi suất.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của chị L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Ý kiến trình bày của bị đơn anh Tạ Thanh H và chị Vũ Thị Hồng G trong quá trình giải quyết vụ án:

Ngày 26/11/2021 (Âm lịch) tức ngày 29/12/2021 (Dương lịch), vợ chồng anh chị có mượn của chị Nguyễn Thị L số tiền: 32.000.000 đồng (Ba mươi hai triệu đồng). Hẹn đến ngày 26/11/2022 (Âm lịch) tức ngày 19/12/2022 (Dương lịch) sẽ trả đủ số nợ trên cho chị L, tuy nhiên vì hoàn cảnh gia đình khó khăn nên chưa trả được cho chị L. Anh H, chị G đồng ý trả số tiền nợ gốc 32.000.000 đồng (Ba mươi hai triệu đồng) cho chị L, nhưng không có khả năng trả một lần nên chia làm 03 đợt thanh toán như sau:

Đợt 01 ngày 26/12/2024 trả số tiền nợ gốc 10.000.000 đồng.

Đợt 02 ngày 26/5/2025 trả số tiền nợ gốc 10.000.000 đồng.

Đợt 03 ngày 26/12/2025 trả số tiền nợ gốc 12.000.000 đồng còn lại.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức tham gia phiên tòa xác định việc tuân thủ theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của những người tiến hành tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm đều tuân thủ trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 147; Điều 227; Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Áp dụng khoản 1 Điều 351; Điều 463; khoản 1, khoản 5 Điều 466; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị L, buộc anh Tạ Thanh H và chị Vũ Thị Hồng G phải trả cho chị Nguyễn Thị L số tiền nợ gốc là 32.000.000 đồng.

Về án phí: Anh Tạ Thanh H và chị Vũ Thị Hồng G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu anh Tạ Thanh H và chị Vũ Thị Hồng G phải trả số tiền vay theo giấy vay đề ngày 26/11/2021 (Âm lịch) tức ngày 29/12/2021 (Dương lịch), tranh chấp phát sinh từ hợp đồng dân sự vay tài sản được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 463 của Bộ luật Dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh Tạ Thanh H và chị Vũ Thị Hồng G có địa chỉ cư trú tại Bon JB, xã QT, huyện TĐ, tỉnh Đắk Nông nên Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức thụ lý và giải quyết là đúng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về thời hiệu khởi kiện: Các đương sự không yêu cầu áp dụng thời hiệu nên không áp dụng quy định về thời hiệu quy định tại Điều 429 của Bộ luật Dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Chị Nguyễn Thị L yêu cầu anh Tạ Thanh H và chị Vũ Thị Hồng G phải trả số tiền gốc đã vay là 32.000.000 đồng theo giấy vay tiền đề ngày 26/11/2021 (Âm lịch).

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Tạ Thanh H và chị Vũ Thị Hồng G thừa nhận có vay của chị Nguyễn Thị L số tiền 32.000.000 đồng và đồng ý trả nợ gốc theo yêu cầu của chị L.

Các đương sự đã thống nhất được với nhau về số tiền vay nhưng không thống nhất được thời hạn trả nợ, phương thức trả nợ.

Căn cứ Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự quy định về hợp đồng vay tài sản và nghĩa vụ trả nợ của bên vay, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L đã đưa ra được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là giấy vay tiền đề ngày 26/11/2021 (Âm lịch), anh H và chị G cũng thừa nhận nợ. Anh H, chị G có nghĩa vụ trả tiền đã vay theo thỏa thuận nhưng đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Vì vậy, chị L yêu cầu anh H, chị G phải trả số tiền đã vay là 32.000.000 đồng tiền gốc là có căn cứ.

Điều 463. Hợp đồng vay tài sản

Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định.

Điều 466. Nghĩa vụ trả nợ của bên vay

1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

2. Trường hợp bên vay không thể trả vật thì có thể trả bằng tiền theo trị giá của vật đã vay tại địa điểm và thời điểm trả nợ, nếu được bên cho vay đồng ý.

[3] Về tiền lãi: Chị L không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

[4] Đối với số tiền cho vay 32.000.000 đồng là tài sản riêng của chị L, quá trình giải quyết vụ án anh Phan Liên Tr là chồng chị L cho rằng số tiền trên là tài sản riêng của chị L không liên quan đến anh Tr nên anh không có yêu cầu gì, vì vậy cần buộc anh H, chị G trả nợ cho riêng chị L.

[5] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L. Buộc anh Tạ Thanh H và chị Vũ Thị Hồng G phải trả cho chị Nguyễn Thị L số tiền nợ gốc là 32.000.000 đồng.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bị đơn anh Tạ Thanh H và chị Vũ Thị Hồng G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, anh Tạ Thanh H và chị Vũ Thị Hồng G thuộc diện hộ cận nghèo, có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Về tiền tạm ứng án phí: Do yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L được chấp nhận nên cần trả lại tiền tạm ứng án phí cho chị Nguyễn Thị L.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 147; Điều 227; Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Áp dụng Điều 351; Điều 463; khoản 1 Điều 466; Điều 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị L về việc **“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”**.

Buộc anh anh Tạ Thanh H và chị Vũ Thị Hồng G trả cho chị Nguyễn Thị L số tiền 32.000.000 đồng (Ba mươi hai triệu đồng).

Kể từ ngày chị Nguyễn Thị L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Tạ Thanh H và chị Vũ Thị Hồng G chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì anh H, chị G phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 800.000 đồng (Tám trăm nghìn đồng), anh Tạ Thanh H và chị Vũ Thị Hồng G phải chịu theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, căn cứ quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho anh Tạ Thanh H và chị Vũ Thị Hồng G.

3. Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Tuy Đức;
- Chi cục THADS huyện Tuy Đức;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký, đóng dấu)

Nguyễn Xuân Triệu